

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Cơ sở văn hoá Việt Nam		
Mã học phần:	71CULT20222	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	242_71CULT20222_02 và 242_71CULT20222_21		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường
-------------	--------------	--------------------	--------------------------	----------------	----------------	----------------------

			phần đánh giá (%)			mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Áp dụng kiến thức về các lý thuyết, đặc trưng, chức năng và loại hình văn hoá vào việc nhận diện và phân tích các giá trị văn hoá truyền thống VN trong lĩnh vực kinh doanh một cách hiệu quả.	Bài thi cuối kỳ	20%		2	PI1.1
CLO2	Vận dụng các giá trị văn hoá Việt Nam đương đại vào hoạt động quản trị tổ chức.	Bài thi cuối kỳ	20%		2	PI1.1
CLO3	Thực hiện giao tiếp hiệu quả trên cơ sở vận dụng kiến thức về văn hoá truyền thống Việt Nam.	Bài thi cuối kỳ	40%		4	PI6.1
CLO4	Phối hợp linh hoạt các kỹ năng tư duy phân tích, tư duy phản biện vào kiến giải các vấn đề văn hóa xã hội, mối quan hệ giữa văn hóa cộng đồng với hành vi, tâm lý cá nhân trong tiêu dùng và lao động.	Bài thi cuối kỳ	10%		1	PI6.1
CLO5	Thể hiện ý thức trân trọng, giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam và ý thức dựng xây, lan toả giá trị văn hoá tốt đẹp trong cộng đồng.	Bài thi cuối kỳ	10%		1	PI10.2

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (16 câu hỏi, mỗi câu 0.25 điểm)

Câu 1: Hai đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam là:

- A. Tính cộng đồng và tính tự trị
- B. Tính cộng đồng và tính dân chủ
- C. Tính tự trị và tính đoàn kết
- D. Tình dân chủ và tính bình đẳng

Đáp án A

Câu 2: Biểu tượng âm dương truyền thống của người Việt là:

- A. Hình vuông – hình tròn
- B. Công cha nghĩa mẹ
- C. Con Rồng cháu Tiên
- D. Ông Tơ – Bà Nguyệt

Đáp án: A

Câu 3: Hình ảnh nào là biểu tượng truyền thống của tính tự trị trong làng xã Việt Nam?

- A. Luỹ tre
- B. Sân đình
- C. Bến nước
- D. Cây đa

Đáp án: A

Câu 4: Cơ cấu bữa ăn truyền thống của người Việt thiên về:

- A. Thực vật
- B. Gia cầm
- C. Hải sản
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: A

Câu 5: Hình ảnh sông nước và chợ nổi được xem là biểu tượng của vùng văn hoá

- A. Tây Nam Bộ
- B. Đồng bằng Bắc Bộ
- C. Nam Trung Bộ
- D. Đông Bắc Bộ

Đáp án A

Câu 6: Tôn giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất vào thời Lý – Trần (Thế kỷ X-XIV) là:

- A. Phật giáo
- B. Nho giáo
- C. Đạo giáo
- D. Thiên chúa giáo

Đáp án A

Câu 7: Biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực là:

- A. Đáp án B và C đúng
- B. Thờ sinh thực khí
- C. Thờ hành vi giao phối
- D. Thờ thần xứ sở

Đáp án A

Câu 8: Người Việt có truyền thống ăn chung mâm là do:

- A. Các đáp án trên đều đúng
- B. Tính mực thước
- C. Tính cộng đồng
- D. Tính tôn ti

Đáp án A

Câu 9: Đồi dưa trong mâm cơm của người Việt là biểu hiện của:

- A. Tính tổng hợp và linh hoạt
- B. Tính chuẩn xác
- C. Tính tự trị
- D. Óc phân tích

Đáp án A

Câu 10: Đặc điểm nào sau đây KHÔNG phải là đặc trưng của loại hình văn hoá gốc nông nghiệp:

- A. Con người luôn có tham vọng chinh phục tự nhiên
- B. Công người ưa sống theo nguyên tắc trọng tình
- C. Lối sống linh hoạt, luôn ứng biến cho thích hợp với hoàn cảnh
- D. Con người có ý thức tôn trọng và ước vọng sống hoà hợp với tự nhiên.

Đáp án A

Câu 11: Biểu tượng của tính cộng đồng trong mâm cơm người Việt là:

- A. Nồi cơm và chén nước mắm
- B. Cái chén
- C. Đồi dưa
- D. Vị trí chỗ ngồi

Đáp án A

Câu 12: Trong xã hội truyền thống, đô thị tại Việt Nam thực hiện các chức năng gì?

- A. Chức năng hành chính
- B. Chức năng kinh tế
- C. Chức năng quân sự
- D. Chức năng sản xuất

Đáp án A

Câu 13: Tổ chức xã hội theo nghề nghiệp được gọi là:

- A. Phường
- B. Hội
- C. Trấn
- D. Thôn

Đáp án A

Câu 14: Đặc trưng của văn hoá Nam Bộ là:

- A. Tính mở, năng động
- B. Dương tính, hướng nội
- C. Khép kín
- D. Mạnh mẽ, hiếu chiến

Đáp án A

Câu 15: Đặc trưng nào của văn hoá là cơ sở để con người tổ chức đời sống xã hội và cá nhân?

- A. Tính hệ thống
- B. Tính giá trị
- C. Tính nhân sinh
- D. Tính lịch sử

Đáp án A

Câu 16: Theo quan niệm truyền thống, đâu là hướng nhà được ưu tiên lựa chọn của người Việt?

- A. Đông
- B. Nam
- C. Bắc
- D. Tây

Đáp án A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu, mỗi câu 3 điểm)

Câu 1: Triết lý Âm Dương có ảnh hưởng như thế nào đến triết lý sống của người Việt? Anh chị có thể vận dụng triết lý âm dương vào lối sống của mình như thế nào? (3 điểm)

Câu 2: Trình bày các đặc trưng trong giao tiếp của người Việt? Anh chị ứng dụng các đặc điểm này vào đời sống và công việc tương lai như thế nào? (3 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
Câu 1			
	Trình bày nội dung của triết lý âm dương: - quy luật thành tố: trong âm có dương, trong dương có âm - quy luật quan hệ: âm cực sinh dương, dương cực sinh âm	0.5	
	Ảnh hưởng của triết lý âm dương đến triết lý sống của người Việt Triết lý sống quân bình Khả năng thích nghi cao Tinh thần lạc quan	1.5	
	Ứng dụng vào đời sống cá nhân	1	
Câu 2	Sinh viên cần trình bày các đặc trưng trong giao tiếp của người Việt, kèm ví dụ		
	- Thái độ với việc giao tiếp: vừa thích giao tiếp lại vừa rất rụt rè	0.25	
	- Quan hệ giao tiếp: lấy tình cảm làm nguyên tắc ứng xử	0.5	
	- Đối tượng giao tiếp: ưa tìm hiểu, quan sát, đánh giá	0.25	
	- Chủ thể giao tiếp: trọng danh dự	0.25	
	- Về cách thức giao tiếp: ưa sự thể	0.5	

	nhị, ý tứ và trọng sự hoà thuận		
	- Nghi thức lời nói phong phú, cách nói lịch sự	0.25	
	Ứng dụng các đặc trưng văn hoá giao tiếp vào đời sống và công việc	1.0	
	Điểm tổng	10.0	

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



TS. LÊ THỊ GẤM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2025

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



Th.S. Đặng Thị Kim Chi